

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23 – 02 - 2023

"V/v Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Huân, bà Nguyễn Thị Yến.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 651/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1968 (Vắng mặt)*

Nơi đăng ký thường trú: Đội 3 thôn N, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Tổ 10, khu V, phường M, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

*Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1968 (Vắng mặt)*

Địa chỉ: Đội 3 thôn N, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn T chung sống với nhau vào năm 1990 trên tinh thần tự nguyện, có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn. Cưới xong chị và anh T chung sống với nhau tại thôn N, xã C. Đời sống chung hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2001 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên chị và

anh T ly thân, không quan hệ tình cảm từ năm 2001 đến nay. Nay thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết “Không công nhận vợ chồng” giữa chị và anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn T có 02 con chung là Hoàng Thị C, sinh năm 1991 và Hoàng Thị T, sinh năm 1994. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Văn T trình bày:

Nhất trí với lời khai của chị Phạm Thị H, xác nhận việc anh và chị H chung sống với nhau từ năm 1990, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên hai bên đã ly thân từ năm 2001 đến nay. Nay thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết “Không công nhận vợ chồng” thì anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Anh và chị Phạm Thị H có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Nhất trí tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh T đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, do các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn T là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn là chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Hoàng Văn T được ly hôn. Do vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Hoàng Văn T là người có địa chỉ cư trú thôn N, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về việc người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng trước đó đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành đưa vụ án ra xét xử vụ án theo quy định chung.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn T chung sống với nhau từ năm 1990, trước đó hai bên có được tự do tìm hiểu, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Lời khai của chị H và anh T đều xác định vợ chồng không đăng ký kết hôn, xét thấy lời khai của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy về căn cứ pháp lý, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn T là không hợp pháp vì không tuân thủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Nhưng thực tế chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn T có chung sống với nhau từ năm 1990 đến năm 2001 là sự kiện có thật, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, không cùng trí hướng trong việc phát triển kinh tế gia đình nên đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2001 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian chị H – anh T sống ly

thân đã lâu, chứng tỏ tình cảm không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận để giải quyết cho các bên được ly hôn theo nguyện vọng. Tuy nhiên do chị H – anh T không đăng ký kết hôn nên cần xử “Không công nhận chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn T là vợ chồng” là phù hợp quy định tại Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn T có hai con chung là Hoàng Thị C sinh năm 1991 và Hoàng Thị T, sinh năm 1994. Nay các con đều đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu giải quyết vấn đề này, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn là chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thời hạn quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014304 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã C, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao.
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn